

DAY TIẾNG VIỆT NHƯ MỘT “NGOẠI NGỮ” - CƠ HỘI DỊCH CHUYỂN NGHỀ NGHIỆP CỦA CỬ NHÂN SƯ PHẠM NGỮ VĂN

ÔN THỊ MỸ LINH - NGUYỄN THU QUỲNH*

Ngày nhận bài: 18/09/2016; ngày sửa chữa: 21/09/2016; ngày duyệt đăng: 21/09/2016.

Abstract: Recently, teaching Vietnamese as a foreign language has been a career opportunity of students graduated from literature and linguistics education programs. To meet the demand of teaching Vietnamese as a challenging job, the curriculum of philology teacher education needs to be improved by providing learners not only the knowledge of Vietnamese language, land, people and culture but also the curriculum development. The learners need to be provided with modern methods of teaching Vietnamese as a foreign language such as applying high-tech achievements in teaching and organizing extra-curriculum activities. Moreover, to have a good chance of finding a teaching Vietnamese job, the students should learn foreign languages such as English, Korean, Japanese or Chinese, etc.

Keywords: Teaching Vietnamese as a foreign language, the curriculum of philology teacher education, career opportunities.

Nhu cầu học tiếng Việt (TV) của người nước ngoài ngày một tăng trong khi việc làm của cử nhân sư phạm nói chung và cử nhân sư phạm Ngữ văn (SPNV) nói riêng hiện nay lại ngày càng trở nên khó khăn. Chương trình đào tạo cử nhân sư phạm Ngữ văn nếu được xây dựng với “nhánh rẽ” chú trọng hình thành năng lực dạy TV như một “ngoại ngữ” cho người học có thể mở ra nhiều cơ hội việc làm mới.

1. Nhu cầu học TV như một “ngoại ngữ” mở ra cơ hội việc làm của cử nhân SPNV

Dạy TV như một ngoại ngữ cho sinh viên (SV) nước ngoài đang là mô hình giáo dục phát triển của nhiều cơ sở đào tạo ở Việt Nam và tại một số quốc gia trên thế giới. Nhiều trung tâm đào tạo, bồi dưỡng TV trực thuộc các trường đại học trong cả nước hoặc thuộc tư nhân được hình thành và phát triển nhanh chóng trong những năm gần đây. Trước nhu cầu và thực tế hàng năm, có một lượng học viên rất lớn học TV như một “ngoại ngữ”, ngày 01/09/2015, Bộ GD-ĐT đã ban hành *Khung năng lực TV dành cho người nước ngoài* kèm theo *Thông tư số 17/2015/TT-BGDĐT*. Khung năng lực chính là một căn cứ quan trọng giúp người học hiểu được nội dung, yêu cầu đối với từng trình độ năng lực TV và tự đánh giá năng lực của mình; đồng thời cũng là căn cứ giúp người dạy xây dựng chương trình học phù hợp với từng bậc năng lực. Việc dạy học TV cho người nước ngoài đã hướng tới hiệu quả cuối cùng là hình thành năng lực cụ thể cho người học. Đồng thời, với việc ban hành khung năng lực này, Bộ GD-ĐT đã khẳng định tầm quan trọng của hoạt động dạy TV như một “ngoại ngữ”.

Kể từ ngày 11/01/2007, Việt Nam chính thức trở thành thành viên của *Tổ chức Thương mại Thế*

giới (WTO), từ đây Việt Nam có điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng mạnh mẽ. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, Việt Nam đã và đang thu hút được nhiều nguồn đầu tư từ nước ngoài. Nhiều công ti, nhà máy nước ngoài đã được đặt tại Việt Nam. Nhiều tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài cũng chọn Việt Nam làm điểm đến đầu tư hấp dẫn. Sức hút về kinh tế này đã thúc đẩy các quốc gia trên thế giới tìm hiểu về ngôn ngữ, văn hóa Việt Nam. TV đã được đưa vào giảng dạy trong chương trình phổ thông và đại học ở nhiều quốc gia trên thế giới như Mỹ, Đức, Nga, Đài Loan, Thái Lan, Trung Quốc, Lào... Thực tế này cho thấy, hoạt động dạy TV cho người nước ngoài đang và sẽ mở ra thêm nhiều cơ hội việc làm cho SV SPNV, nhất là trong bối cảnh khối cộng đồng chung Asean đang ngày càng gắn bó, khi việc làm sẽ không còn giới hạn trong biên giới lãnh thổ của một quốc gia.

Bên cạnh đó, cũng phải thấy rằng, hiện nay, tình trạng SV sư phạm, đặc biệt là SV ngành SPNV ra trường không xin được việc làm là khá phổ biến. Theo thông báo mới nhất của *Hội thảo khoa học quốc gia đào tạo giáo viên tại các trường đại học đa ngành đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay*, đến năm 2020, dự kiến Việt Nam sẽ thừa khoảng 70.000 SV tốt nghiệp. Đứng trước tình trạng đó, việc SV SPNV lựa chọn một công việc khác để có thể dịch chuyển chuyên môn là một việc làm cần thiết. Dạy TV như một ngoại ngữ chắc chắn sẽ trở thành một cơ hội dịch chuyển nghề nghiệp hấp dẫn của SV SPNV trong tương lai.

* Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

2. Chương trình đào tạo cử nhân SPNV và sự thiếu hụt “nhánh rẽ” hình thành năng lực dạy TV như một “ngoại ngữ”

Trước xu hướng dịch chuyển nghề nghiệp này của SV, chương trình đào tạo SPNV của một số trường đại học hiện nay cũng đã bước đầu tiệm cận và có khả năng trang bị cho SV những tri thức và kĩ năng cần thiết để SV có thể đáp ứng với việc dịch chuyển nghề nghiệp, đặc biệt trong việc dạy TV như một ngoại ngữ cho người nước ngoài hoặc các thế hệ Việt kiều sinh ra ở nước ngoài. Những kiến thức cơ bản của ngành và chuyên ngành có khả năng đáp ứng tốt với yêu cầu dạy TV như một ngoại ngữ mà SV SPNV được trang bị là *TV thực hành, Cơ sở ngôn ngữ học, Ngữ âm TV, Từ vựng - Ngữ nghĩa TV, Ngữ pháp TV, Ngữ dụng - Phong cách học TV, Dạy học TV ở trường phổ thông, Phương pháp dạy học TV*. Bên cạnh việc được trang bị những kiến thức nền tảng, SV SPNV còn được trang bị các kĩ năng nghề nghiệp tiên tiến như lập kế hoạch dạy học, thiết kế bài giảng, tổ chức hoạt động dạy học, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và phát triển nghề nghiệp. Nhóm kĩ năng hoạt động trong môi trường nhà trường và xã hội cũng được chú ý trong chương trình đào tạo cử nhân SPNV như làm việc theo nhóm, giao tiếp, ứng xử với đồng nghiệp, ứng xử với người học, ứng xử với phụ huynh, ứng xử với các tổ chức hành chính, xã hội.

Tuy nhiên, cũng phải thấy rằng, để hoạt động dạy học TV cho người nước ngoài trở nên hiệu quả, chương trình đào tạo SV SPNV cần phải xây dựng những nội dung rẽ nhánh, coi việc dạy TV như một ngoại ngữ cho người nước ngoài là một trong những nội dung đào tạo quan trọng.

3. Những điểm cần lưu ý khi đưa nội dung dạy TV cho người nước ngoài vào chương trình đào tạo cử nhân SPNV

Chương trình đào tạo “rẽ nhánh” này của ngành SPNV cần chú trọng đến việc giảng dạy chuyên sâu về văn hóa, văn học và ngôn ngữ, đặc biệt hướng đến việc trang bị cho SV những kiến thức và kĩ năng cần thiết về phương pháp dạy học TV như một ngoại ngữ, giúp SV có khả năng lựa chọn phương pháp truyền đạt, tài liệu giảng dạy phù hợp với người học, áp dụng được tri thức ngôn ngữ để xây dựng chương trình, giảng dạy và thiết kế tài liệu giảng dạy; đồng thời, cũng giúp SV ý thức được vai trò của tri thức ngôn ngữ học và tri thức văn hóa trong giảng dạy TV như một ngoại ngữ; vai trò của một giáo viên trong việc truyền đạt, quảng bá TV và văn hóa Việt, xác định được sự khác biệt giữa dạy TV như ngôn ngữ mẹ đẻ và dạy TV như một ngoại ngữ.

Theo GS.TS. Nguyễn Thiện Giáp, dạy TV với tư cách ngôn ngữ thứ hai, nhất là với tư cách một ngoại ngữ phải cần tới nhiều tri thức chuyên sâu về ngôn ngữ học hơn tiếng mẹ đẻ, bởi vì giáo viên khi đó cần những hiểu biết về ngôn ngữ thứ nhất của học viên. Trên cơ sở đó, ông đã đề xuất đối với việc giảng dạy TV cho người nước ngoài ở Việt Nam cần phải làm những việc sau: Xây dựng chuẩn kiến thức cho mỗi chương trình đào tạo; Huấn luyện giáo viên tiếp cận với những phương pháp mới trong việc dạy tiếng; Nghiên cứu cách kiểm tra, đánh giá thích hợp. Nhà giáo học pháp người Pháp G. Laxer lại khẳng định, những kiến thức về văn hóa văn tạo nên những giá trị cơ bản của học vấn. Người thầy không nên chỉ bó hẹp trong mục đích dạy tiếng. Theo ông, nếu không đề cập đến các hiện tượng văn hóa thì việc học tiếng sẽ trở nên khô khan, dẫn tới kết quả là người học chỉ nắm được những hiện tượng trên bề mặt ngôn ngữ mà thôi. Như vậy, có thể thấy, đối với việc dạy học TV như một ngoại ngữ, việc xây dựng chương trình, giáo trình, các thang độ kiểm tra đánh giá hoạt động dạy học và năng lực của người học là rất cần thiết.

Giáo trình TV hiện nay khá đa dạng, bước đầu có thể đáp ứng được những yêu cầu của việc dạy học TV với tư cách là ngôn ngữ thứ hai. Tuy nhiên, theo PGS.TS. Dư Ngọc Ngân, hiện nay vẫn rất cần những bộ giáo trình TV có hệ thống, cập nhật những từ ngữ thuộc nhiều lĩnh vực của cuộc sống hiện đại cũng như văn hóa truyền thống Việt; những kiến thức ngữ pháp, vận dụng những thành tựu về phương pháp dạy tiếng trên thế giới; đặc biệt là giáo trình nâng cao hoặc chuyên sâu. Vì vậy, trong chiến lược dịch chuyển nghề nghiệp cho cử nhân SPNV, ngay trong chương trình đào tạo cho đối tượng này cũng cần phải chú ý đến việc trang bị cho SV những kiến thức về xây dựng chương trình và biên soạn giáo trình, tài liệu phục vụ hoạt động dạy học.

Bên cạnh đó, việc chuẩn hóa hoạt động kiểm tra, đánh giá nhằm nâng cao chất lượng đào tạo trong dạy TV cho người nước ngoài cũng rất cần phải được coi trọng. Gần đây, để làm căn cứ thống nhất việc đánh giá năng lực TV cho người nước ngoài; căn cứ xây dựng chương trình, kế hoạch giảng dạy, xây dựng tiêu chí kiểm tra, đánh giá năng lực TV cho người nước ngoài, Bộ GD-ĐT đã giao cho Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội thực hiện đề tài *Xây dựng bộ tiêu chuẩn đánh giá trình độ TV của học viên quốc tế*. Trên cơ sở đó, Bộ GD-ĐT đã ban hành *Định dạng đề thi đánh giá năng lực TV theo Khung năng lực TV dùng cho người nước ngoài* (Quyết định số 2097/QĐ- BGDĐT ngày 21/6/

2016). Đại học Quốc gia Hà Nội cũng đã cho ra mắt phần mềm bộ tiêu chuẩn và bộ đề thi đánh giá trực tuyến trình độ TV của học viên quốc tế. Từ đó, có thể thấy, việc trang bị cho SV SPNV những kiến thức cần thiết về kiểm tra, đánh giá; cách thức tiến hành kiểm tra, đánh giá trong hoạt động dạy học TV là một việc làm rất thiết thực, phục vụ cho hướng dịch chuyển nghề nghiệp của đối tượng này.

Trong những năm gần đây, phát triển chương trình là lĩnh vực được quan tâm nghiên cứu và chú trọng vận dụng tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên. Chương trình đào tạo cử nhân SPNV cho khóa 50 và 51 của Trường đã đưa vào nhiều môn học nhằm tăng cơ hội dịch chuyển nghề nghiệp cho người học như học phần *Ngôn ngữ báo chí, Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số trong mối quan hệ với văn hóa, Việt ngữ học với nghiệp vụ văn thư văn phòng, Điện dã sưu tầm văn hóa dân gian, Văn hóa và phát triển, Ứng dụng lí thuyết ngôn ngữ trong nghiên cứu tác phẩm văn chương, Tiếp cận văn học dân gian từ góc độ nghiên cứu liên ngành, Sáng tác văn học...* Tuy nhiên, chương trình đào tạo cử nhân SPNV đã được xây dựng này chưa thực sự chú ý đến một nhánh rẽ tiềm năng: dạy TV như một ngoại ngữ, trong khi một số trường đại học ở Việt Nam đã nhìn ra xu hướng dịch chuyển tiềm năng này. PGS.TS. Dư Ngọc Ngân - Trưởng Bộ môn Ngôn ngữ học, Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh cho biết, đơn vị đào tạo này đã chính thức có mã ngành đào tạo TV cho người nước ngoài từ năm 2001. Ngoài những môn học về Ngôn ngữ học, Việt ngữ học, Thực hành TV, người học còn được cung cấp những kiến thức về đất nước và con người Việt Nam thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau như Địa lí, Lịch sử, Văn hóa, Pháp luật, Văn học. Khoa Ngôn ngữ học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Trường Đại học Quốc gia Hà Nội đã đưa học phần *Phương pháp dạy học TV như một ngoại ngữ* vào chương trình đào tạo Cử nhân Ngôn ngữ học chuẩn quốc tế.

4. Dạy TV như một “ngoại ngữ” - thời cơ và thách thức đối với SV SPNV

Hoạt động dạy TV cho SV nước ngoài được tổ chức tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên từ năm 2001. Những khóa học đầu tiên, trường đào tạo TV cho lưu học sinh Trung Quốc, và sau này là học viên đến từ các quốc gia như Mĩ, Lào, Campuchia, Đài Loan, Thái Lan, Hàn Quốc. Đối tượng học TV trở nên đa dạng hơn, với nhiều nhu cầu học khác nhau. Học TV hướng tới mục tiêu giao lưu, trao đổi văn hóa; là một phần trong chương trình đào tạo cử nhân tại

quốc gia bản địa; nhằm phát triển công việc tại Việt Nam hay để đáp ứng yêu cầu học đại học và sau đại học ở Việt Nam.

Ngày 07/04/2014, GS.TS. Đặng Kim Vui, Giám đốc Đại học Thái Nguyên đã kí Quyết định số 423/QĐ-ĐHTN về việc thành lập Trung tâm Hợp tác Quốc tế và Đào tạo, bồi dưỡng TV cho người nước ngoài thuộc Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên (viết tắt là Trung tâm HTQT-ĐTTV). Kể từ khi được thành lập, Trung tâm HTQT-ĐTTV đã xây dựng và thực hiện nhiều chương trình dạy TV khác nhau; đổi mới mạnh mẽ quan điểm, mục tiêu, nội dung và phương pháp trong dạy học TV cho người nước ngoài. Dạy TV từ quan điểm giao tiếp, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong dạy học, học TV kết hợp với tìm hiểu các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật Việt Nam, kết hợp hoạt động dạy học trên lớp với các hoạt động trải nghiệm sáng tạo phong phú. Học viên nước ngoài được đi tham quan các địa danh văn hóa, lịch sử của địa phương và các tỉnh, thành phố lân cận. Học viên cũng được tham gia nhiều hoạt động văn hóa như chơi các trò chơi dân gian, tập hát, múa các bài hát dân gian Việt Nam, đón tết Trung thu cùng SV Việt Nam. Sau khóa học, học viên được thực hiện nhiều đề án như đề án báo tường, tạp chí, đề án ẩm thực Việt Nam, đề án Facebook, đề án trình diễn các tiết mục dân ca quan họ Bắc Ninh, đề án sân khấu hóa - chuyển thể các tác phẩm văn học dân gian Việt Nam.

Qua thực hiện, khả năng sử dụng TV của học viên sau một thời gian ngắn học tập tại Trung tâm được cải thiện nhanh chóng và quan trọng hơn là niềm say mê, yêu thích của các học viên Lào, Đài Loan, Thái Lan, Hàn Quốc, Mĩ đối với việc học TV và tìm hiểu văn hóa Việt Nam đã khẳng định hướng đi đúng đắn trong việc xây dựng chương trình dạy học TV như một ngoại ngữ. Quy mô đào tạo của Trung tâm ngày càng được mở rộng khẳng định thêm sự phát triển của mô hình đào tạo này.

Như vậy, có thể thấy, hướng đào tạo “rẽ nhánh” của ngành SPNV là dạy TV như một ngoại ngữ cho người nước ngoài và các thế hệ Việt kiều sinh ra ở nước ngoài có nhiều tiềm năng, tạo cơ hội việc làm cao cho SV, góp phần giải quyết tình trạng thất nghiệp của SV SPNV. Để thực hiện được điều này, các trường sư phạm nói chung và Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên nói riêng cần xây dựng chương trình đào tạo “rẽ nhánh” cho SV SPNV, trong đó TV phải thực sự được giảng dạy như một ngoại ngữ. Người học không chỉ được trang bị kiến thức về ngôn ngữ, đất nước, con người, văn hóa Việt Nam mà cả tri thức về phát triển chương trình. Nội dung chương trình có thể

tập trung vào việc trang bị những tri thức và kĩ năng nghề nghiệp cần thiết giúp SV có khả năng thực hành nghề nghiệp cao, ứng dụng được công nghệ thông tin, tích hợp các tri thức về ngôn ngữ, văn hóa, thiết kế và tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dạy học TV cho người nước ngoài.

Để hướng chuyển dịch nghề nghiệp này có hiệu quả và trở thành một tiềm năng nghề nghiệp trong tương lai, thiết nghĩ SV SPNV nói chung và SV SPNV, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên nói riêng cũng cần chủ động trang bị cho mình những kiến thức, kĩ năng cần thiết đáp ứng được yêu cầu công việc theo các tiêu chí như biết am hiểu về ngôn ngữ học và TV; biết ngoại ngữ để sử dụng như một ngôn ngữ trung gian, kết nối ngôn ngữ nguồn và ngôn ngữ đích; có hiểu biết sâu sắc về văn hóa Việt Nam và phương pháp giảng dạy cho người nước ngoài; có khả năng biên soạn đề cương, giáo trình, tài liệu phục vụ hoạt động dạy học TV như một ngoại ngữ; thành thạo trong việc kiểm tra - đánh giá trình độ năng lực của người học theo các bộ tiêu chí của công cụ đánh giá trình độ TV dành cho người nước ngoài.

Nếu được quan tâm và đầu tư đúng mức, việc giảng dạy TV như một ngoại ngữ sẽ có nhiều điều kiện để phát triển cả về chiều rộng lẫn bề sâu, thu hút được sự quan tâm của người học trong và ngoài nước. Đây cũng chính là chiếc cầu nối hiệu quả giúp đưa Việt Nam - văn hóa Việt Nam, TV đến với nhiều quốc gia, nhiều dân tộc trên thế giới. Đồng thời, chuyên ngành đào tạo "rẽ nhánh" này, nếu được triển khai và triển khai có hiệu quả trong các trường Sư phạm sẽ giúp giải quyết được tình trạng việc làm cho SV Sư phạm đào tạo chuyên ngành SPNV hiện nay. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Lê A - Nguyễn Quang Ninh - Bùi Minh Toán (1997). *Phương pháp dạy học tiếng Việt*. NXB Giáo dục.
- [2] Brumfit C. J. - K. Johnson (1979). *The Communicative Approach to Language Teaching*. Oxford University Press.
- [3] Diane Larsen - Freeman - Michael H. Long (1997). *An Introduction to Second Language Acquisition Research*. Longman, London and New York.
- [4] Nguyễn Thiện Giáp (2007). *Lược sử Việt ngữ học*. NXB Giáo dục.
- [5] Nguyễn Thiện Giáp (2008). *Giáo trình Ngôn ngữ học*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [6] Phan Văn Giưỡng (2009). *Sổ tay giảng dạy tiếng Việt như một ngôn ngữ thứ hai (Từ lý thuyết đến thực hành)*. NXB Văn hóa.
- [7] Nguyễn Chí Hòa - Vũ Đức Nghiệu (2015). *Bộ tiêu chuẩn đánh giá năng lực tiếng Việt của học viên quốc tế*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[8] *Tiếng Việt và việc dạy tiếng Việt cho người nước ngoài* (1997). Kỷ yếu hội thảo khoa học. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[9] *Một số vấn đề về nội dung và phương pháp giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ* (2005). Kỷ yếu hội thảo khoa học. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[10] Trần Thị Lan (2005). *Dạy tiếng Việt cho người nước ngoài theo phương pháp giao tiếp*. Ngữ học trẻ, Hội Ngôn ngữ học Việt Nam.

[11] Dư Ngọc Ngân (2011). *Giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ*. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, số 31, tr 39-46.

[12] Jack C. Richards - John Platt - Heidi Platt (1993). *Longman Dictionary of Language Teaching and Applied Linguistics*. Longman, Singapore.

[13] Victorian Curriculum - Assessment Authority (2004). *Vietnamese VCE STUDY DESIGN*. VCAA, Melbourne.

Bồi dưỡng kĩ năng ứng dụng...

(Tiếp theo trang 111)

một cách đa dạng, phong phú và mang lại hiệu quả thiết thực góp phần đổi mới PPDH, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Để SV sư phạm sau khi tốt nghiệp có năng lực chuyên môn; trong đó có năng lực ứng dụng CNTT vào dạy học thì việc tập dượt các kĩ năng ứng dụng CNTT trong đánh giá kết quả học tập của HS là rất cần thiết và có ý nghĩa. Thực tiễn việc bồi dưỡng năng lực ứng dụng CNTT trong dạy học *Toán* thông qua nội dung học phần *Ứng dụng CNTT trong dạy học Toán và Các hoạt động rèn luyện NVSP* ở Khoa Toán Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên và Trường Đại học Đồng Tháp thời gian qua đã cho thấy rõ hiệu quả của các biện pháp sư phạm trên trong việc góp phần nâng cao năng lực nghề cho SV nói chung và trong KT-ĐG kết quả học tập môn *Toán* của HS nói riêng. □

Tài liệu tham khảo

- [1] McMillan - H. James H (2001). *Classroom Assessment. Principles and Practices for Effective Instruction*. Corwin press, Thousand Oaks, California.
- [2] Nguyễn Bá Kim (2015). *Phương pháp dạy học môn Toán*. NXB Đại học Sư phạm.
- [3] Nguyễn Thị Lan Phương (chủ biên) - Dương Văn Hưng - Nguyễn Đức Minh - Nguyễn Lê Thạch (2011). *Đánh giá kết quả học tập của học sinh phổ thông*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [4] Dương Thiệu Tống (2005). *Trắc nghiệm và đo lường thành quả học tập*. NXB Khoa học Xã hội.
- [5] Trần Văn Hạo (tổng chủ biên) - Vũ Tuấn (chủ biên) - Đào Ngọc Nam - Lê Văn Tiến - Vũ Viết Yên (2007). *Đại số và Giải tích 11*. NXB Giáo dục.